

## PHẨM PHÁP SỰ THỨ MƯỜI

Nay dùng bốn môn giải thích:

- 1) Ý nghĩa có phẩm này.
- 2) Giải thích tên phẩm.
- 3) Nói thể tướng.
- 4) Thứ bậc.

**I. Ý nghĩa:** nói lược mười nghĩa:

1) Ở trên nương quyền, nương thật, gồm có bốn chương:

a) Lược bỏ quyền bày thật động chấp sanh nghi.

b) Chấp động nghi sanh trình bày nghi đến xin.

c) Rộng bỏ quyền bày thật dứt nghi sanh tín, ba thứ này đã rồi, nay là thứ tư kể nêu truyền bá. Sở dĩ nêu truyền bá là trên chỉ một xứ, một thời lợi ích một hội, nhưng chúng sanh không cùng, đại bi không hạn nay muốn tất cả nơi, tất cả thời lợi ích tất cả mọi người cho nên nói về truyền bá.

2) Theo luận Trí Độ chép: Giải thích Bát-nhã có hai môn:

a) Môn nói thẳng.

b) Môn Xưng tán, nay cũng hai: Trên nói thẳng Pháp Hoa, dưới khen ngợi môn nói cho nên có các phẩm dưới.

3) Lại có hai môn:

a) Môn trí tuệ.

b) Môn phước đức.

Trên ba châu nói hai trí quyền thật gọi là môn trí tuệ, dưới đây nói về thọ trì đọc tụng công đức vô biên gọi là môn công đức.

4) Lại có hai môn:

a) Môn thể.

b) Môn dụng.

Trên ba châu nói rộng đại bi chánh quán không hai gọi là thể của Pháp Hoa, nay nói về thọ trì đọc tụng đúng như lời dạy tu hành năng sanh phước tuệ gọi là dụng của Pháp Hoa.

5) Căn cứ ở người lại có hai môn:

a) Phước đức sâu dày chúng sanh hiện tại được gặp Phật thọ kinh Pháp Hoa.

b) Phước đức cạn mỏng chỉ gặp kinh chứ không thấy Như lai, ba châu nói pháp, trên đến nay là người đức phước sâu dày, từ đây trở xuống là người phước đức mỏng cạn, luận Trí Độ chép: Phước đức dày tự thân theo pháp còn thọ Bát-nhã, người phước đức mỏng chỉ gặp văn

tự kinh.

6) Chúng sanh có hai:

- a) Kết duyên nhiều với Phật.
- b) Làm thiện tri thức với Bồ-tát.

Trên đây vì Đức Phật kết duyên cho chúng sanh nói kinh Pháp Hoa rồi, nay vì các Bồ-tát kết duyên chúng sanh nói Pháp Hoa, cho nên đức Như lai ba châu nói xong phó chúc bốn y, khiến chúng có duyên khác đời đồng lợi ích.

7) Có hai môn:

- a) Đốt đèn.
- b) Nối đèn.

Đức Thích-ca tự nói bình đẳng đại bi gọi là khơi đèn, nay khuyến tất cả chúng sanh lần lượt mở mang truyền bá rộng khắp chúng sanh, cho đèn pháp không tắt thường chiếu gọi là nối đèn.

8) Giảng nói chánh pháp gồm có hai môn:

- a) Chính là nói môn.
- b) Chứng nói môn.

Từ trên đến nay nói về chính là nói rồi, từ đây trở xuống nói chứng minh nói. Cho nên tháp báu vọt hiện chứng minh nói không luống dối, khiến cho người chưa tin sanh tâm tin, người đã tin không lui sụt.

9) Như lai ra đời nói rộng chánh pháp gồm có hai môn:

- a) Chính là nói.
- b) Răn dạy và khuyến.

Nói khuyến là khiến cho chúng sanh thọ trì dẫn đến như nói tu hành. Nói răn dạy là người có một lời nói chê pháp và người mở rộng kinh có tội và phước vô biên, trên đây nói về môn chánh thuyết, từ đây trở xuống nói môn răn dạy và khuyến.

10) Nói kể văn thọ ký trên mà sanh. Như lai thọ ký gồm có hai thứ:

- a) Thọ ký riêng.
- b) Thọ ký chung.

Trên chỉ nêu thọ ký riêng chưa nói thọ ký chung thì nghĩa thọ ký chưa hết, nay muốn nói nghĩa thọ ký chung cho nên có phẩm này. Nói thông thọ ký riêng gồm có ba thứ.

1) Thế chung riêng, trên chỉ biệt, nêu Đức Phật ở đời, người được thọ ký, nay thông nêu hai đời người được thọ ký.

2) Nhân chung riêng, trên nói riêng người ba căn Thanh văn được thọ ký, nay nêu chung cả chốn u hiển phàm Thánh có dự nghe kinh sanh tâm tin đều được thọ ký.

3) Thời chung riêng: Trên nói riêng kiếp số có hạn được thọ ký, nay nêu chung được thọ ký bất luận kiếp số kỳ hạn. Vì sao? Vì kiếp số có hạn chắc là ngộ sâu nay chung cả cạn sâu nên không nói về kỳ hạn.

Hỏi: Vì sao trao đủ thọ ký chung riêng?

Đáp: Kinh này nói về chỉ có Nhất thừa không có các thừa khác, tất cả chúng sanh đều thành Phật cho nên đều được Đức Phật thọ ký, cũng đều được Phật thọ ký thì nói lên chỉ có Nhất thừa, cho nên nêu thọ ký giải thích thành Nhất thừa.

**II. Giải thích tên:** Nói Pháp Sư: Pháp là pháp mầu bình đẳng chánh quán có thể làm phép tắc cho tâm nên gọi là Pháp, do người có khả năng trên mở rộng đại pháp, dưới làm thầy dẫn dắt chúng sanh nên gọi là Pháp Sư. Như thầy thuốc ở đời dùng thuốc trị bệnh cho người gọi là Dược Sư, không nói thuốc là thầy, Pháp Sư cũng như vậy, không nói là pháp làm thầy gọi là Pháp Sư, nhưng lại có dùng pháp làm thầy nên nói là Pháp Sư. Do đó kinh chép: Chỗ Chư Phật làm thầy, như nói là pháp, vẫn dưới cũng có ý này cho nên chỉ bày phương pháp mở rộng kinh thì lấy pháp làm thầy, nhưng tuy có hai việc mà hiệp thành một ý chỉ, trên đã làm thầy đối với pháp rồi sau mới vì người làm thầy.

**III. Thế Tướng:** Xưa nói năm hạng pháp Sư hiệp thọ trì làm một. Đại luận quyển sáu mươi lăm giải thích nghĩa thọ trì nói tín lực cho nên thọ, niệm lực nên trì, tức thọ là đầu trì là sau, lâu xa không quên mất mới là nghĩa trì, tức phân chia thọ trì làm hai nên thành sáu thứ, thành sáu hạng Pháp Sư, nếu cộng thêm chánh ức niệm thì thành bảy hạng Pháp Sư, nhưng nhiều ít thích nghi thời không định số. Hỏi: năm hạng Pháp Sư đủ bao nhiêu nghĩa nghiệp?

Đáp: Thọ trì gọi là ý nghiệp, biên chép gọi là thân nghiệp, đọc tụng là miệng nghiệp, đây đại khái mà nói thôi! Nhưng biên chép đầy đủ hai nghiệp, vận dụng tay chắc chắn trải qua ý đọc tụng v.v... đủ ba nghiệp. Căn cứ phước tuệ, nói pháp thường là trí tuệ, bốn thứ còn lại có thể thông cả hai.

**IV. Thứ bậc:** nhưng nói chung: Hàng Thập Tín trở lên đều có khả năng mở rộng pháp làm thầy chúng sinh. Nói riêng thì theo kinh Niết-bàn chép: trong mười sáu phần giải nghĩa một phần là có khả năng vì vật làm thầy. Xưa nói truyền bá gồm có năm phẩm chia làm ba chương:

- 1) Ba phẩm khiến tâm người mở rộng kinh.
- 2) Phẩm Trì là nhận thọ lệnh mở rộng kinh.

3) Phẩm An lạc là chỉ bày phương pháp mở rộng kinh.

Sở dĩ có ba chương này là do một châu nói pháp đã xong thì phải truyền bá, do đó tán pháp khen người khiến người kính mến mở rộng truyền pháp cho nên có chương thứ nhất khiến tìm người mở rộng kinh.; Như lai có bảo đại chúng thuận theo ý chỉ cho nên có thứ hai vâng lệnh mở rộng kinh. Nhưng đã ở trong đời ác muốn mở rộng thiện đạo phải gặp nhiều cản trở khó khăn, khiến an trú trong bốn pháp thì thân tâm rất an vui mới có thể mở rộng kinh truyền đạo lợi lạc, chúng sanh cho nên có thứ ba chỉ bày phương pháp mở rộng kinh.

Chương đầu lại có hai:

1) Phẩm trước khiến tìm người mở rộng kinh.

2) Hai phẩm chứng nói, nay nói đều là ý đây.

Nhưng một phẩm Pháp Sư chính là truyền bá, từ phẩm Hiện Bảo Tháp trở xuống riêng thuộc loại đoạn lớn sau sẽ nói đầy đủ. Trong phẩm này có hai văn xuôi hai kệ tụng chia làm hai riêng.

1) Một văn xuôi một kệ khen ngợi đức của người trì kinh khiến tâm họ vui mừng để khuyến mở rộng kinh.

2) Một văn xuôi một kệ tụng khen ngợi chỉ bày cách mở rộng kinh để khuyến mở rộng kinh.

Văn đầu lại có hai: Trước văn xuôi sau kệ tụng. Văn xuôi chia làm hai:

1) Khen ngợi đệ tử hai thời.

2) Khen ngợi Pháp Sư hai đời.

Khen ngợi đệ tử hai thời tức có hai:

1) Khen ngợi Phật ở đời đệ tử nghe pháp.

2) Khen ngợi sau khi Phật diệt độ đệ tử nghe pháp.

“Nhân nói với Bồ-tát Dược vương để bảo tám muôn đại sĩ.”

Hỏi: luận Trí Độ chép: Nói môn trí tuệ đối với người xuất gia, nói môn công đức đối với người tại gia, nay vì sao nói môn trí tuệ đối với hàng Thanh văn? Nói môn công đức đối với Bồ-tát?

Đáp: hai Kinh đều có khác. Kinh kia nêu người xuất gia ưa trí tuệ người tại gia ưa công đức, kinh này nêu Thanh văn bị bệnh chấp Ba thừa cho nên nói đại bi bình đẳng để bác bỏ, do đó đối Thanh văn nói, Bồ-tát không có chấp này nên không đối. Đại Sĩ vốn muốn mở rộng đạo lợi người, nay truyền bá chính là việc ấy cho nên đối Bồ-tát nói công đức.

Lại ở trên bỏ ba bày một nghĩa ấy đã đầy đủ thì đều thành Bồ-tát không còn Thanh văn cho nên phải đối Bồ-tát. Lại theo ngài Long Thọ chép: Kinh này là pháp bí mật không thể phó chúc Thanh văn cho nên

phó chúc Bồ-tát. Trong hàng Bồ-tát mà bảo riêng Dược vương: là do vị ấy tự thân nghe Pháp Hoa đắc ngộ xả bỏ thân mạng, tài sản để mở rộng pháp này, nay muốn cho các người khác học nên bảo Ngài. Sở dĩ nhân Bồ-tát Dược vương để bảo tám muôn đại sĩ ấy: vì tám muôn người này rất có duyên với đời mạt pháp, nay muốn cho tám muôn đại sĩ trên học Dược vương dưới lợi ích chúng sanh đời mạt pháp, nên nhân Dược vương mà bảo chúng.

“Dược vương! Ông thấy trong Đại chúng này”: gồm có hai nghĩa:

1) Muốn cho Dược vương và tám muôn Đại sĩ truyền bá kinh này giúp cho thiện căn họ thành tựu, cho nên nêu hai đời đệ tử nghe kinh được thọ ký; khiến cho thầy biết, cho nên nói ông thấy không. Nếu ông mở rộng kinh hành hóa thì thành tựu, nếu không mở rộng kinh hành hóa thì không thành tựu, do đó bảo hỏi nói thấy không?

2) Muốn đem phó chúc hai đời đệ tử cho Dược vương và tám muôn người. Như luận Kim cương Bát-nhã luận rằng: Do Bồ-tát căn cơ chưa thuần thực mà phó chúc, Bồ-tát căn thuần thực nên nói chúng hỏi. Một niệm tùy hỷ thì được thọ ký: nghe pháp nhất niệm thuận theo chí lý thì hợp với lý, hợp với lý nên sanh tâm vui mừng, liền tu hành tương ưng với Phật nên được Phật thọ ký. Lại một niệm tùy hỷ thì biết chỉ một không hai, chắc sẽ thành Phật không lui sụt thành Nhị thừa, nên được Phật thọ ký. Chú giải kinh rằng: Có thể hiện tại nghe pháp một niệm tùy hỷ, thí như cây tùng cây bách nảy mầm liền có thể vươn cao tận mây, nay nghe pháp tuy cạn nhưng cũng đã gieo trồng cội rễ Bồ-đề cho nên được thọ ký.

“Đức Phật bảo Dược vương: Lại sau khi Như lai diệt độ v.v...” là nói sau khi Phật diệt độ đệ tử nghe kinh được thọ ký. Sở dĩ có văn này, là do có hai nghĩa:

1) Trước khiến tám muôn Đại Sĩ ở khắp thế giới Phật mười phương mở rộng kinh, nay sau khi Phật diệt độ mở rộng kinh.

2) Có người nghi: Phật ở đời thì chúng sanh phước đức lợi căn nghe pháp tùy hỷ có thể được thọ ký, sau khi Phật diệt độ thì phước mỏng căn độn tuy là tùy hỷ mà không được thọ ký, vì vậy nên giải thích rằng: chỉ khiến nghe kinh tin hiểu công đức đồng đẳng đều được thọ ký.

“Nếu lại có người...” là khen ngợi công đức của hai đời Pháp Sư, sở dĩ trước nêu công đức đệ tử sau nêu công đức pháp sư là vì có ba nghĩa:

1) Từ cạn đến sâu, trước khen ngợi đệ tử công đức cạn, nay khen ngợi Pháp Sư công đức sâu.

2) Trước nêu đệ tử xuất tướng sở hóa, nghĩa là nghe kinh tùy hỷ

liền được thọ ký gọi là tướng sở hóa. Nay nói công đức Pháp Sư xuất ra tướng mạo người năng hóa, có tướng mạo này nên gọi là Pháp Sư.

3) Trên bảo Dược Vương nêu hai đời đệ tử khiến thầy biết đệ tử, nay xuất tướng mạo Pháp Sư khiến đệ tử biết thầy, do thầy trò biết nhau thì nghĩa mở rộng pháp hóa người thành tựu.

Văn chia làm hai phần:

1) Nói riêng hai đời công đức Pháp Sư.

2) Nói chung về tin và chê.

Phần một lại có hai:

1) Nếu Phật tại thế có hai thứ Pháp Sư.

2) Biện sau khi Phật diệt độ hai thứ Pháp Sư.

Đầu nêu hai thứ Pháp Sư tức chia làm hai biệt:

1) Hạ phẩm.

2) Thượng phẩm.

Phẩm Pháp Sư địa vị đã nhiều nay nói lược hai phẩm thượng hạ. Nói theo vị: Y theo người đầu là hạ phẩm, ba người còn lại dựa theo làm là thượng phẩm. Sở dĩ phân chia hai thứ này: Người đầu đầy đủ phiền não đã là địa vị phàm phu nên gọi là hạ phẩm, ba người sau đồng là vị Thánh nên hiệp làm thượng phẩm. Nhưng theo nghĩa vị khó biết, tạm mượn một môn để làm thứ lớp.

Người đầu có bốn ý:

1) Nói hiện đức tức nêu ra tướng mạo Pháp Sư, nghĩa là có tướng mạo này thì gọi Pháp Sư.

2) “Dược vương nên biết...” là nói ra nhân xưa thành Pháp Sư tức nói về đức của Pháp Sư quá khứ. “Thành tựu đại nguyện:” là nêu người này đã từng cúng dường nhiều Đức Phật nên sanh tịnh độ chỉ thành tựu đại nguyện nên đến sanh trong nhân gian.

“Dược vương! Nếu có người hỏi:...” nêu Pháp Sư này đời vị lai đắc quả, người này đã từng mở rộng truyền truyền bá Đại thừa trong hiện tại, quá khứ gieo trồng nhân chứa nhóm lâu xa cho nên nhất định thành Phật. “Vì sao?...” là nói nhân hiện tại giải thích quả tương lai. “Người ấy tất cả thế gian...” là nói khuyên chúng sinh cúng dường người ấy. Do nói đủ công đức của ba đời Pháp Sư thì đó là ruộng phước vô thượng sơ tâm Phật cho nên phải lấy sự cúng dường Phật mà cúng dường người đó. Lại mở rộng Phật đạo nên lập ra như cúng dường Phật.

“Huống lại là người hay thọ trì...” là nói Pháp Sư thượng phẩm, người này văn lý đều đủ nên nói hay thọ trì. “Nếu người thiện nam thiện nữ...” là nói sau khi Phật diệt độ có hai thứ pháp Sư, cũng trước

nêu hạ phẩm kế nêu thượng phẩm, hai phẩm này khác hai phẩm trước; trước y cứ mở rộng pháp rộng lược để chia hai phẩm, nay vì người nhiều ít để phân hai phẩm. “Là sứ giả của Như lai:” là tuyên chuyển giáo lệnh nên gọi là sứ. “Sai làm việc của Như lai là truyền bá tôn chỉ của Như lai, chắc đáng uỷ thác dùng lý gọi sai làm. Làm việc của Như lai: Đức Phật dùng lợi vật làm việc, mở rộng nói có ích gọi là làm việc Như lai. “Huống chi ở trong đại chúng rộng cho người nghe:” là nói Pháp Sư thượng phẩm.

“Được vương! Nếu có người ác v.v...” nói chung tin và chê, căn cứ vẫn có hai:

1) Nêu chê mắc lỗi lớn.

2) Tin được phước lớn.

Sở dĩ nói tin chê gồm có hai nghĩa:

1) Như lai ra đời muốn chỉ bày hai môn tội phước cho chúng sanh, nên Đại Phẩm chép: Nếu không nói việc ma, tội ma thì đó là ác tri thức của chúng sanh.

2) Trên nói hai thứ pháp Sư khi truyền bá chánh pháp, không nên khinh chê cần phải cúng dường, chê bai người trì kinh tội nặng hơn chê Phật, tức là nói rộng nghĩa tội phước gồm có hai thứ:

1) Căn cứ tâm.

2) Căn cứ cảnh.

- *Căn cứ tâm*: tâm nặng thì tội nặng tâm nhẹ thì tội nhẹ, nếu vậy tâm chê Phật nặng, thì mắc tội nặng, tâm chê Phật nhẹ thì mắc tội nhẹ, chê người trì kinh cũng như vậy, không nên nói chê bai Phật tội nhẹ chê bai người trì kinh tội nặng.

- *Căn cứ cảnh*: Nếu chê bai cảnh cao quý thì tội nặng chê cảnh xấu thì tội nhẹ, cũng không nên nói chê bai Phật tội nhẹ chê bai người trì kinh tội nặng. Đã không căn cứ tâm cảnh làm sao giải thích văn này ư! Có người chép: Chê mắng Phật không làm dứt pháp nên tội nhẹ, chê bai người mở rộng kinh ý làm dứt pháp nên tội nặng. Sở dĩ như vậy là do người đây, mở rộng pháp nên bị chê mắng, người này tức mắng lại người chê bai pháp tội gồm hai thứ cho nên nặng. Ngài Trúc Đạo Sanh chép: Pháp xuất từ Phật, nếu nghe nói chê mắng Phật thì người này chẳng phải chê mắng pháp do đó tội nhẹ. Nay thọ trì hữu ngã nếu chê bai chính là hủy mạ người có pháp chính là chê bai pháp. Nay nói Phật do lia tám thứ gió không còn lo buồn tuy là bị chê mà không trở ngại chánh hóa, nay người mở rộng kinh còn là phàm phu chưa thoát bát phong, nếu gặp bị hủy báng thì tâm thoái hối hận không thể mở rộng

pháp, pháp đã không mở rộng liền không có người hành pháp, đã không người hành pháp thì ai thành Phật ư! Do dứt hạt giống Ba bảo cho nên tội nặng. Lại người mở rộng kinh nghe bị chê bai thì chướng ngại tự mình không được thành Phật, cũng chướng ngại hóa tha nên người khác cũng không thành Phật thì tội nặng. Đức Phật nghe chê bai đều không ngăn ngại tự hành hóa tha nên tội nhẹ.

“Được vương! Có người đọc tụng kinh...” khen ngợi người mở rộng kinh phước nặng. “Dùng đức trang nghiêm của Phật tự trang nghiêm mình”: Đức Phật dùng pháp chánh quán trang nghiêm ở người, người mở rộng kinh cũng nhập chánh quán nên dùng pháp trang nghiêm người, lại Đức Phật trú Đại thừa dùng muôn đức mà tự trang nghiêm, hạnh của người mở rộng kinh tương ứng với Phật, cũng tùy phần đủ muôn đức của Phật. “Thời được Như lai dùng vai mang vác”: là Như lai mang vác, người trì kinh đã là người mở rộng pháp, Đức Phật do cung kính pháp, nên gánh vác sở mở rộng cũng gánh vác người năng mở rộng.

Kê chia làm ba:

1) Hai bài tụng thứ nhất, hai đời đệ tử khuyên cúng dường hai hạng pháp Sư gồm tự thọ trì.

2) Mười ba hàng tụng hai hạng pháp Sư trên.

3) Một bài khen ngợi pháp giải thích thành khen người v.v...

Hai bài đầu lại chia hai riêng: Nửa bài trên nêu muốn thành tựu trí tự nhiên, đây là trí vô công dụng. Một bài dưới nêu tuệ Nhất thiết chủng trí, đây là nói hai thứ trí: nhất thiết chủng trí chiếu hữu trí. Tuệ: Nhất thiết trí chiếu không tuệ.

“Nếu người hay thọ trì v.v...” mười ba hàng lại chia làm hai:

1) Bảy hàng tụng hai đời pháp Sư.

2) Sáu hàng tụng trước tin chê.

Căn cứ đầu lại có hai:

1) Bốn hàng tụng Phật tại thế có hai thứ pháp Sư.

2) Ba hàng tụng sau khi Phật diệt độ có hai hạng pháp Sư.

Căn cứ đầu lại có hai:

1) Một bài tụng hạ phẩm.

2) Ba hàng tụng thượng phẩm.

Sau khi Phật diệt độ cũng có hai: Hai bài tụng thượng phẩm, một bài tụng hạ phẩm. Kế tụng tin chê cũng có sáu hàng: Hai bài tụng chê mắc tội, bốn hàng tụng cung kính được phước, cúng dường người trì kinh hơn cúng dường Phật, cũng không căn cứ ruộng phước và tâm, chỉ được cúng dường khen ngợi thì tăng tiến tự hành hóa tha, Đức Phật thì



không đúng cho nên hơn Phật. Nhưng luận Trí Độ nói cúng dường mười phương Bồ-tát Bồ xứ không bằng Phật, đây là căn cứ ruồng phước hơn kém tốt xấu.

“Lúc bấy giờ Đức Phật lại bảo ngài Dược vương”... Sở dĩ có văn này gồm có bốn nghĩa:

1) Trên khen ngợi người nay khen pháp, do khen ngợi người khen pháp mà thành nghĩa truyền bá.

2) Trên khen ngợi người nói người làm Pháp Sư, nay khen pháp lấy pháp làm Pháp Sư, muốn giải thích thành nghĩa Phẩm Pháp Sư có hai hạng pháp Sư cho nên có văn này.

3) Trên khen ngợi người mở rộng kinh được vô lượng phước, nay khen pháp thì sanh tuệ vô biên, do phước tuệ đầy đủ nên nghĩa truyền bá thành.

4) Trên chánh khen ngợi người mở rộng kinh, nay chỉ bày phương pháp mở rộng kinh; giải thích thành nghĩa mở rộng kinh trên. Cũng có văn xuôi và kệ tụng.

Văn xuôi có ba:

- 1) Tán pháp sở mở rộng.
- 2) Nêu phương thức mở rộng pháp.
- 3) Nêu lợi ích mở rộng kinh, ba thứ này tức là thứ lớp.

Phần đầu có năm:

- 1) Căn cứ pháp khen ngợi.
- 2) Căn cứ người khen ngợi.
- 3) Căn cứ xứ khen ngợi.
- 4) Căn cứ hành khen ngợi.
- 5) Căn cứ nghĩa được, mất hiển thành khen ngợi.

Kinh điển của ta nói nhiều vô lượng ngàn muôn ức: Nghĩa là từ Hoa Nghiêm về sau đến trước Linh Sơn các giáo chẳng phải một. Đã nói hiện nói sẽ chép: nói lược ba phen nói gồm nhiếp tất cả giáo. Đã nói: là tất cả Đại Tiểu thừa giáo trước Pháp Hoa. Hiện nói: là Pháp Hoa. sẽ nói: là Pháp Hoa về sau đến Niết-bàn. “Mà ở trong đó Kinh Pháp Hoa rất khó tin khó hiểu.” Trước Pháp Hoa Đại tiểu chia dòng kia nói dễ tin, sau Pháp Hoa ba, một đã hợp cũng chẳng khó hiểu, kinh này mở cửa phương tiện hiển nghĩa chân thật, bắt đầu trở lại ba mới qui về một, đối với người xưa chấp khác cho nên khó tin khó hiểu, đầu tiên không thọ nhận gọi là khó tin sau không ngộ gọi là khó hiểu. Lại bỏ ba về một, bác bỏ ngắn nêu dài gọi là khó tin, chẳng ba chẳng một không ngắn không dài gọi là khó giải. “Kinh này là tạng bí yếu của Chư Phật

không thể phân chia vọng trao cho người.” Kinh này nói về hai quyền hai thật, lời nói về lý đầy đủ nên gọi là yếu, xưa ẩn mà không truyền gọi là bí, như người dấu vật báu bên trong gọi là tạng cho nên không thể vọng trao cho người. “Kinh này là của Chư Phật giữ gìn từ xưa đến nay không hề bày nói:” là giải thích tạng bí yếu trên. Nói giữ gìn: Nhưng pháp tướng vắng lặng không cần giữ gìn chẳng phải pháp khí mà vọng truyền cho họ thì liền phá pháp, do đề phòng phá pháp nên gọi là giữ gìn. “Mà chính Kinh này khi Như lai đang hiện tại còn nhiều người oán ghét”, là giải thích trên không thể phân chia vọng trao cho người, tất cả chúng sanh khắp nơi đều đắm nhiễm, Đại thừa khắp nơi bị phá trái với thế gian nên gọi là oán. “Huống chi sau khi Như lai diệt độ”: Khi Phật còn tại thế phiền não còn mỏng mà còn có người không tin nhận, huống chi sau khi Như lai diệt độ điên đảo sâu dày mà có thể giải ư!

“Được vương nên biết...” là dựa vào người khen ngợi gồm có năm việc khen ngợi. Được Phật lấy y trùm cho. Chú giải kinh chép: lấy nhất cực làm vật áo phủ bay đeo bám không có đoạn thường, giải từ Phật đến cho nên nói được Phật lấy y che cho. “Lại các Đức Phật ở phương khác...” Được Phật hộ niệm khen ngợi, do hạnh của người mở rộng kinh tương ứng với Phật nên được Phật hộ niệm, khiến ngoại đạo kẻ ác không xâm phạm hủy phá là hộ, bên trong sanh thiện là niệm. “Người đó có sức tin lớn v.v...” là thiện bên trong thành tựu khen ngợi. Tin đối với Ba thừa gọi là tiểu tín, nay tin Nhất thừa gọi là đại tín. Ban đầu có sức tin kế khởi đại nguyện, thì tâm Bồ-đề gọi là sức chí nguyện kế tu hạnh Bồ-tát gọi là sức các gốc lành, ba thứ này là thứ lớp. “Phải biết người đó ở chung với Như lai...” khen ngợi cùng ở chung có hai thứ:

1) Tự hành luận ở chung: lý Nhất thừa là nơi Phật dừng nghỉ, người mở rộng kinh cũng ở trong đó nên nói là ở chung.

2) Hóa tha ở chung: Đức Phật lấy sanh tử làm đêm dài, ứng tích ở trong sanh tử nói kinh cho chúng sinh nghe làm chỗ nghỉ, người này năng nhập lý mở rộng kinh xen dự vào ứng tích gọi là ở chung. “Được đức Như lai lấy tay xoa đầu v.v...” cha mẹ thương nhớ con nên dùng tay xoa đầu, người trì kinh đã là Phật tử lý nên trọng ái. Chú giải kinh rằng: Tay xoa là tiêu biểu người mở rộng pháp được dừng nghỉ, đầu là tiêu biểu kia tu hành cao. Lại giải thích Đức Phật dùng tay trí Nhất thừa xoa đỉnh tâm kia, khuyến họ thọ trì cho nên nói lấy tay xoa đầu.

“Được vương! Nơi nơi chỗ chỗ...” là nương xứ khen ngợi. Trước nêu ở người thì người tôn trọng, nay nêu tại xứ thì xứ đáng quý. “Chẳng cần để Xá-lợi: Luận Pháp Hoa chép: Kinh này nói đủ ba hạng Phật Bồ-

đề, cho nên trong mười bảy tên có một tên gọi là Vững chắc Xá-lợi, chân như Pháp thân của Như lai ở trong kinh này thường không hoại cho nên không cần an trí thân Xá-lợi.” Dực vương! Có rất nhiều người...” là căn cứ hành khen ngợi. Văn chia làm bốn:

- 1) Pháp.
- 2) Thí.
- 3) Hiệp.
- 4) Giải thích.

Pháp nói hai cặp: Nêu khéo hành và không khéo hành một cặp: Nếu chưa nghe Pháp Hoa bỏ quyền bày thật chưa tinh thông đạo quyền thật thì hành Đạo Bồ-tát còn tự sợ hãi, hoặc nói tiến thành Phật đạo hoặc có thể thoái trụ Nhị thừa cho nên không khéo hành, do được nghe kinh này có một không ba thẳng tiến không thối lui nên gọi là khéo hành. Lại chưa nghe kinh này bỏ quyền bày thật thì chưa hiểu biết hai tuệ không thể hóa vật, không gọi là khéo hành, trái với ở đây gọi là khéo hành. Lại không nghe kinh này nói về thân quyền thân thật thì không nhàm chán sanh tử ưa thích thân Phật cũng là chưa khéo hành, trái với ở đây gọi là khéo hành.

“Có chúng sanh nào...” là nói về gần Bồ-đề không gần Bồ-đề, bản tiếng Phạn đầy đủ, nay dịch lược nên chỉ có gần. “Dực vương! Thí như có người v.v...” nói thí nói, thí đây chỉ có hai ý:

- 1) Nói cách Phật xa.
- 2) Cách Phật gần.

Thí như có người: là người cầu Phật đạo. Khát tìm: là tâm chí kia cầu Phật mạnh mẽ như khát đi tìm nước. “Ở nơi gò cao kia soi đào tìm kiếm vẫn thấy đất khô biết rằng nước còn xa”: Nay phải tiến lùi luận nghĩa này:

- 1) Căn cứ trước Pháp Hoa nói về nghĩa cách Phật đạo còn xa.
- 2) Căn cứ Pháp Hoa tự luận nghĩa xa.

Căn cứ trước Luận Pháp Hoa nghĩa xa có hai:

1) Ở trong Giáo Nhị thừa cầu Phật cách đạo xa, cho nên Đại Phẩm chép: Dùng Kinh Thanh văn cầu Bồ-đề gọi là không xét.

2) Ba tạng về sau các kinh Đại thừa chưa bỏ Nhị thừa, ở trong giáo đó cầu Phật đạo cũng có nghĩa xa, dùng trong giáo này nói về Đại thừa chính cùng Pháp Hoa không khác, chỉ chưa phước bỏ Nhị thừa tức mới hành Bồ-tát còn chưa hiểu rõ quyền thật, lại còn trông mong lo sợ thì tâm cầu Phật không quyết định, căn cứ một bên này thì có cầu Phật xa. “Ra công đào không thôi”: là Pháp Hoa sanh Văn tuệ. “Đần thấy đất

ướt”: đối với kinh này sanh tư tuệ. “Lần thấy đến bùn”: kinh này sanh Tư tuệ. “Tâm người ấy quyết định biết rằng nước sẽ gần”: Đã sanh ba tuệ biết nước Phật tánh đã gần.

Hỏi: Vì sao luận Pháp Hoa dùng nước dụ cho Phật tánh ư?

Đáp: Chính nói nước ẩn dưới đất như Phật tánh không nói lên cho nên nước dụ Phật tánh.

Ngài Trúc Đạo Sanh chú giải Kinh Pháp Hoa rằng:

1) Đây là đối với giáo Tiểu thừa cầu Phật cho nên biết cách Phật xa. Theo giáo Pháp Hoa cầu Phật nên cách Phật gần.

2) Căn cứ Kinh Pháp Hoa tự nêu gần Phật xa Phật; nếu bầm thọ Pháp Hoa chưa sanh Ba tuệ thì cách Phật xa, nếu đã sanh Ba tuệ thì cách Phật gần.

Hỏi: Vì sao căn cứ giáo Pháp Hoa luận về gần xa ư?

Đáp: Chỉ nói một cao nguyên cầu tìm nước có gần xa, chỉ là một pháp Hoa giáo cầu Phật có gần xa. Cao nguyên dụ cho giáo Pháp Hoa, giáo Pháp Hoa đối với Nhị thừa là khó tin nên gọi là cao nguyên. Lại chấp Phật đạo khó đắc làm dụ nên nói ở cao nguyên tìm cầu nước. Xoi đào tìm kiếm: Nghĩa là viết chép thọ trì như xoi đào. Vẫn thấy đất khô cách nước còn xa: Do chưa sanh ba tuệ nên cách Phật xa. Thi công không thôi: là đọc tụng giải thích như nói tu hành thâm cầu Pháp Hoa phát sanh ba tuệ nên cách nước gần.

“Bồ-tát cũng giống như vậy v.v...” Hiệp thí. Cũng được dựa theo hai nghĩa giải thích:

1) Chưa nghe Pháp Hoa chưa sanh ba tuệ nên cách Phật xa, nếu nghe Pháp Hoa phát sanh ba tuệ nên cách Phật gần.

2) Tuy nghe Pháp Hoa chưa sanh văn tuệ cũng gọi là chưa nghe nên cách Phật xa, nếu nghe Pháp Hoa phát sanh ba tuệ nên cách Phật gần. Vì sao? v.v...” là giải thích. Ba Bồ-đề đều thuộc kinh này, kinh này nói về ba Phật Bồ-đề cho nên ba Phật Bồ-đề đều thuộc kinh này, lại ba Phật Bồ-đề đều từ kinh này ra cho nên đều thuộc kinh này. Kinh này mở phương tiện muốn chỉ bày tướng chân thật, mở hai thứ phương tiện chỉ bày hai thứ chân thật, xưa không nói hai thứ là phương tiện cho nên đóng cửa phương tiện, phương tiện thì không được chỉ bày hai thứ chân thật, nay nói hai thứ là đóng cửa phương tiện thì mở cửa phương tiện, mở cửa phương tiện nên được chỉ bày hai thứ là chân thật. “Tạng kinh Pháp Hoa này sâu xa kín vững chắc mầu nhiệm không có người đến được”: hai quyền hai thật ẩn chứa trong kinh này gọi là tạng, sâu kín khó lường gọi là thâm, xưa nay không thay đổi gọi là vững chắc,

kiếm tìm mờ thắm gọi là kín, thắm thắm không đến kịp gọi là xa, Thập trú chưa hiểu rõ gọi là không có người đến được. Nay Phật giáo hóa: Vì nghi giải thích, nghi rằng: Nếu không có người đến được thì chúng sanh làm sao được hiểu ư? Vì vậy nên giải thích rằng: Vì giáo hóa Bồ-tát cho nên khai thị khiến được tin hiểu. “Được vương! Nếu có Bồ-tát v.v...” theo nghĩa được, mất để khen ngợi. “Kinh nghi sợ sệt”: Chẳng phải chỗ đáng sợ làm sợ, do một phen nghe không có ba trái với bốn tình kia là sợ đâu phải Phật nói ư? Cho nên nghi, nếu nói không có ba tức là hủy báng pháp cho nên sợ, hoàn toàn không dám quyết gọi là sợ tâm có lo sợ gọi là sợ. Bồ-tát gọi là tân học, nhị thừa gọi là tăng thượng mạng, nghĩa là hàng Thanh văn tự cho mình đã đầy đủ nên gọi tăng thượng mạng. Do Bồ-tát xưa không nghe nay bỗng nghe không cho mình đã đủ nên gọi là tân học. Lại có văn này, tức là đời vị lai có tướng như vậy thì chớ nói cho họ nghe Kinh Pháp Hoa, nên nói giáo Ba thừa cho họ nghe.

“Được vương! Nếu có thiện nam thiện nữ...” Nêu bày phương pháp mở rộng kinh, văn lại có bốn trường hợp: là phương pháp thỉnh nói. “Người thiện nam thiện nữ đó v.v...” là chỉ bày phương pháp nói. “Nhà Như lai v.v...” là giải thích phương pháp nói. “An trú trong đây...” là tổng kết phương pháp nói. Từ bi có công che chở dụ như nhà, nhẵn nhục làm dừng dung mạo san nhuế, ác như áo che xấu, Không là nói an dưỡng tinh thần, như tòa là chỗ an nghỉ của thân, ba môn này tức là thứ lớp. Đại bi cứu khổ đại từ ban vui, bởi là nền tảng gieo giống giác ngộ, là bốn ý của việc mở rộng đạo, muốn nói pháp mâu nhiệm nên trước kiến lập tâm này. Cho nên thứ nhất nói vào nhà Như lai, đây là khuyên răn Bồ-tát chớ vì lợi dưỡng danh văn thế lực đồ chúng chỉ khởi từ tâm bi nói pháp cho chúng sanh nghe. Đã ở trong đời ác muốn mở rộng thiện đạo ắt gặp nhiều nạn cần phải nhẵn nhục cho nên kể nói về mặc áo nhẵn nhục, từ bi bên ngoài che, hòa nhẵn bên trong an, nếu không có Không oán trống sáng thì hai hành chẳng thành không do đâu ngộ vật cho nên kể nói ngôi nơi rất ráo không. “Không biếng nhác nói pháp”: Trên nói ý nghiệp, nay thân miệng nghiệp.

Hỏi: Kinh Tịnh Danh chép: Từ tâm bi là nữ, rất ráo Không vắng lặng là nhà, Bốn thiên là tòa ngồi cùng nay vì sao khác nhau?

Đáp: hai kinh đều có một nghĩa, kia nói về từ bi có công năng dưỡng dục có dụng thích hợp hóa độ cho nên dụ như nữ, nay lấy nghĩa công cứu khổ ban vui ở che chở cho nên dụ như nhà. Kia nói về rất ráo Không thông suốt không hệ lụy có thể chướng, không phải gió, mưa pháp cho nên dụ như nhà, Nay nói về ý huyền diệu trùng trùng sợ sệt

có thể xếp vào chỗ an thân nghỉ ngơi cho nên gọi là tòa.

“Được vương! Bây giờ ta ở nước khác...” nói về lợi ích để biết giáo sở mở rộng lại thông đạt phương thức mở rộng giáo liên cảm việc tốt đẹp thì gọi là lợi ích, sở dĩ nêu linh thụy là sắp khuyên người mở rộng kinh gồm có bốn việc:

- 1) Sai hóa chúng.
- 2) Sai thật chúng.
- 3) Thấy thân Phật.
- 4) Lại được nhớ pháp.

Sai hóa chúng: cúng dường Pháp Sư, người dẫn dắt thật, quyền hộ Pháp Sư. Sai thật chúng: cũng đủ ba nghĩa: Lại khiến thật chúng được lợi ích. Thường thấy thân Phật: Người mở rộng kinh nếu thường ở trong chánh quán thì thường thấy thân Phật. Cho nên Hoa Nghiêm chép: tất cả pháp không sanh tất cả pháp không diệt, nếu hiểu được như vậy hiểu Chư Phật thường hiện tiền. Chỉ vì người tu hành không thể thường tại trong chánh quán thường thường được thấy thân Phật.

Kệ chia làm ba:

- 1) một bài nói chung khuyến khích.
- 2) Mười lăm hàng rưỡi chính tụng văn xuôi.
- 3) Hai bài kết khen ngợi người nói pháp.

Tụng trên thứ hai văn xuôi có ba đoạn chia làm ba: Bốn hàng tụng khen ngợi pháp, trên khen ngợi pháp có năm, nay chỉ tụng thứ tư nương tu hành khen ngợi, Trong văn xuôi nương tu hành khen ngợi có bốn, pháp, thí, hiệp, giải thích, nay chỉ tụng thí, hiệp có hai. “Quyết rõ pháp Thanh văn:” Xưa chưa bỏ quyền bày thật thì chưa biết Thanh văn, chẳng phải là rốt ráo, nay bỏ quyền bày thật định biết Thanh văn chẳng phải đến tột cùng mới là phương tiện nhập Đại thừa. Nói Kinh vua là: kinh này đối xưa nay quyền thật khai hiệp tự tại cho nên gọi là vua, lại độc nhất vô nhị cũng gọi là vua. “Nếu người nói kinh này...” bốn hàng rưỡi tụng phương pháp mở rộng kinh. “Sau khi ta diệt độ...” bảy hàng tụng cảm nơi linh thụy, văn trên có bốn, nay chia làm năm nhưng không có thứ lớp:

- 1) Ba hàng tụng sai hóa chúng.
- 2) Một bài rưỡi tụng thấy thân Phật...
- 3) Nửa bài tụng lại được nhớ pháp.
- 4) Một bài lặp lại tụng thấy thân Phật.
- 5) Một bài tụng sai thật chúng.